

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/KDTM-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng

tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Quang Vinh
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 266/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8427/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10417/2024/QĐST-KDTM, ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13250/2024/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q.

Trụ sở: Số 1x đường L, phường H, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, ông Nguyễn Văn Tuấn T1, cùng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số: 1666/UQ-MBAMC, ngày 06/10/2023). Địa chỉ liên lạc: Lầu x, số 5xx đường T2, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH V;

Trụ sở: Số 3xx/xx Đ, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trần P, sinh năm 1982 - Là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V. Địa chỉ: Số 3xx/xx Đ, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trần P, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3xx/xx đường Đ, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lưu Thị Thu T3, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8x/xx đường X, phường T4, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q có ông Nguyễn Văn T5 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH V (Sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; và các khế ước nhận nợ như sau:

Số hợp đồng tín dụng	Số khế ước	Dư nợ vay ban đầu	Mục đích vay vốn
Hợp đồng cấp tín dụng số 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ký kết ngày 06/02/2023	LD2305113XXX	1.004.932.132	Thanh toán tiền hàng
	LD2304822XXX	7.730.360.000	Thanh toán tiền hàng
	LD2305291XXX	179.771.482	Thanh toán tiền hàng
Tổng số tiền giải ngân	8.915.063.614 đồng		

Tài sản bảo đảm:

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của Công ty TNHH V theo Hợp đồng thế chấp (Áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số: 1176xx.2x.115.24284xxx.BD ngày 14/02/2023 được Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu chứng nhận số công chứng: 9xx, quyền số: 0x/202xTP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2023; Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành chứng nhận ngày 16/02/2023, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 504xxx, số vào sổ cấp GCN: CS00xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P ngày 28/12/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng Q đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu khách hàng trả nợ nhưng khách hàng đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 12/8/2024, dư nợ của Công ty TNHH V tại Ngân hàng Q cụ thể như sau: Nợ gốc: 8.915.063.614 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.420.338.723 đồng, Tổng nợ: 10.335.402.337 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu:

- Công ty TNHH V phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 10.335.402.337 đồng (Tạm tính đến ngày 12/8/2024). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty TNHH V tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số 1164xx.2x.225.24284xxx.TD ký kết ngày 06/02/2023 và các khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng Q.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH V không thanh toán toàn bộ khoản nợ vay thì Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi các tài sản thế chấp quy định tại Hợp đồng thế chấp (Áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số: 1176xx.2x.115.24284xxx.BD ngày 14/02/2023 được Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu chứng nhận số công chứng: 9xx, quyền số: 0x/202xTP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2023; Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành chứng nhận ngày 16/02/2023, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày

14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 504xxx, số vào sổ cấp GCN: CS00xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P ngày 28/12/2017.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ Công ty TNHH V tại Ngân hàng Q. Trường hợp, số tiền thu được từ việc phát mại tài sản không đủ để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH V thì Công ty TNHH V vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/8/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn

đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thực tế, căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023. Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - Công ty TNHH V có địa chỉ cư trú tại Quận 1 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/8/2024, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do

Xét, các đương sự được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

1.2. Xét yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với 06 (Sáu) tài sản thế chấp tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 25/3/2024, Tòa án nhân dân Quận 1 có Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số: 3493/2024/QĐ-XXTĐTC xem xét thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1x,1x,1x,4x,4x,5x cùng tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp (Áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số: 1176xx.2x.115.24284xxx.BD ngày 14/02/2023 được Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu chứng nhận số công chứng: 9xx, quyền số: 0x/202xTP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2023; Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành chứng nhận ngày 16/02/2023.

Ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân Quận 1 và đại diện chính quyền địa phương tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1x,1x,1x,4x,4x,5x cùng tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đã được thông báo đến các đương sự và các đương sự không có bất kỳ khiếu nại nào đối với kết quả này.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1x, 1x, 1x, 4x, 4x, 5x cùng tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, do nguyên đơn tạm ứng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại các chi phí nêu trên (Tổng số tiền: 20.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 2022/TB-TA ngày 01/3/2024 và số 2023/TB-TA ngày 01/3/2024) theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Xét Công ty TNHH V đã ký Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023; Hợp đồng thế chấp (Áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số: 1176xx.2x.115.24284xxx.BD ngày 14/02/2023 được Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu chứng nhận số công chứng: 9xx, quyền số: 0x/202xTP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2023; Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành chứng nhận ngày 16/02/2023 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã Giải ngân vào tài khoản bên thụ hưởng là bị đơn theo các kế ước nhận nợ cụ thể với tổng số tiền là: 8.915.063.614 (Tám tỷ chín trăm mười lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm mười bốn) đồng. Sau khi được cấp tín dụng, bị đơn mới thực hiện được việc thanh toán một phần khoản nợ cho nguyên đơn. Mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần và đại diện bị đơn đã có cam kết thanh toán nợ vay nhưng bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản nhận nợ đã ký dẫn đến phát sinh nợ quá hạn, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Xét việc bị đơn đã nhận giải ngân số tiền như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản nhận nợ nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty TNHH V theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023. Bị đơn đã sử dụng số tiền giải ngân nhưng mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại một phần số tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn đã sử dụng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023 là có cơ sở chấp nhận.

2.3. Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn đã nhận giải ngân và nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn tạm tính đến ngày 12/8/2024 là: 10.335.402.337 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.915.063.614 đồng, Nợ lãi trong hạn: 1.420.338.723 đồng.

Kể từ ngày 13/8/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Công ty TNHH V còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023.

2.4. Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Xét, theo Hợp đồng thế chấp (Áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số: 1176xx.2x.115.24284xxx.BD ngày 14/02/2023 được Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu chứng nhận số công chứng: 9xx, quyển số: 0x/202xTP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2023; Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành chứng nhận ngày 16/02/2023, các bên đã thỏa thuận nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Như đã nhận định ở trên, nguyên đơn đã cấp tín dụng cho bị đơn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký nhưng bị đơn mới thanh toán được một phần nợ lãi và gốc cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Như vậy, căn cứ Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 về các trường hợp xử lý tài sản đảm bảo và phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp, căn cứ nội dung Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác nêu trên thì trong trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐNgày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐNgày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 504xxx, số vào sổ cấp GCN: CS00xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P ngày 28/12/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn tại Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Công ty TNHH V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q:

Buộc bị đơn Công ty TNHH V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023 (Tạm tính đến ngày 12/8/2024) là 10.335.402.337 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.915.063.614 đồng, Nợ lãi trong hạn: 1.420.338.723 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/8/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Công ty TNHH V còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD ngày 06/02/2023; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 1164xx.2x.115.24284xxx.TD.PL01 ngày 15/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD23040822XXX ngày 17/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305113XXX ngày 20/02/2023; Văn bản nhận nợ số: LD2305291XXX ngày 21/02/2023.

Sau khi Công ty TNHH V trả xong số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký; Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm hoàn trả cho

Công ty TNHH V toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ theo hợp đồng thế chấp.

Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Q, cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 525xxx, số vào sổ cấp GCN: CS01xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị ĐT ngày 14/10/2015; Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 theo hồ sơ số: 001xxx.CN.0x1; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động tại ngày 23/11/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 4x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 624xxx, số vào sổ cấp GCN: CS03xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P và bà Lưu Thị Thu T3 ngày 28/12/2017.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5x, Tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 504xxx, số vào sổ cấp GCN: CS00xxx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Trần P ngày 28/12/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH V tại Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Công ty TNHH V có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1x, 1x, 1x, 4x, 4x, 5x cùng tờ bản đồ số 1x tại xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tổng số tiền phải thanh toán lại cho nguyên đơn là 20.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 2022/TB-TA ngày 01/3/2024 và Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 2023/TB-TA ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH V phải chịu án phí là 118.335.402 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 58.627.797 (Năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044894 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Diệu Linh

